

Trường:..... Họ và tên giáo viên:.....

Tổ:.....

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 4 – SẮC THÁI CỦA TIẾNG CƯỜI (TRUYỆN CƯỜI)

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 8

Thời gian thực hiện: tiết

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.
- ❖ Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chính thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.
- ❖ Nêu được những thay đổi suy nghĩ tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.
- ❖ Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu, chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương; vận dụng được một số thành ngữ, tục ngữ thông dụng trong giao tiếp.
- ❖ Viết được bài văn kể lại một hoạt động xã hội có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố ấy trong văn bản.
- ❖ Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.
- Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn: *Theo em thế nào là một tiếng cười có ý nghĩa*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS chia sẻ cảm nghĩ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn vào chủ đề bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

- a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung chủ đề Sự sống thiêng liêng
- b. Nội dung:** GV gợi dẫn HS thông qua gợi ý SGK
- c. Sản phẩm học tập:** HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> trong SGK (trang 77) và dẫn HS vào chủ điểm của bài học.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc phần giới thiệu bài học</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời một vài HS chia sẻ, trả lời các câu hỏi gợi mở của GV trước lớp, yêu cầu HS cả lớp lắng nghe và nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia thảo luận của cả lớp.</p> <p>- GV chốt kiến thức về chủ đề bài học → Ghi lên bảng.</p>	<p>I. Giới thiệu bài học.</p> <p>- Chủ đề 4: Đối với mỗi chúng ta, tiếng cười có rất nhiều tác dụng: để bộc lộ niềm vui, sự thích thú, niềm hạnh phúc, để kết nối bạn bè, để phê phán những hiện tượng chưa hay, chưa tốt,... Có thể nói tiếng cười đã góp nhiều màu sắc làm cuộc sống thêm phong phú.</p> <p><i>Trong bài học này, thông qua việc đọc các văn bản truyện cười em sẽ hiểu thêm về những sắc thái của tiếng cười trong cuộc sống</i></p>

Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu:

- Xác định được khái niệm và đặc điểm, một số yếu tố trong truyện cười
- Nhận biết được khái niệm và đặc điểm của nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn, từ địaa phương và từ toàn dân

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn*.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn*.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về truyện cười</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về truyện cười: + <i>Truyện cười là gì?</i> + <i>Cốt truyện thường xoay quanh vấn đề gì?</i> + <i>Nhân vật trong truyện cười được chia thành mấy loại?</i> + <i>Nhận xét về ngôn ngữ được sử dụng trong truyện cười</i> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn. - HS nghe câu hỏi, đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> và hoàn thành trả lời câu hỏi chất lọc ý. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. 	<p>II. Tri thức Ngữ văn</p> <p>1. Truyện cười</p> <p>Truyện cười là thể loại tự sự dân gian chứa đựng yếu tố gây cười, nhằm mục đích giải trí, hoặc phê phán, châm biếm, đã kích những thói hư, tật xấu trong cuộc sống. Truyện cười là một trong những biểu hiện sinh động cho tính lạc quan, trí thông minh sắc sảo của tác giả dân gian.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cốt truyện thường xoay quanh những tình huống, hành động có tác dụng gây cười. Cuối truyện thường có sự việc bất ngờ, đẩy mâu thuẫn đến đỉnh điểm, lật tẩy sự thật, từ đó tạo ra tiếng cười. <p>Bối cảnh thường không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, có thể là bối cảnh không xác định, cũng có thể là bối cảnh gần gũi, thân thuộc thể hiện đặc điểm thiên nhiên, văn hoá, phong tục gắn với từng truyện.</p> <p>Nhân vật thường có hai loại:</p> <p>Loại thứ nhất thường là những nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội như: lười biếng, tham ăn, keo kiệt,... hoặc mang thói xấu gắn với bản chất của một tầng lớp xã hội cụ thể. Đây chính là những đối tượng mà tiếng cười hướng</p>

và mối liên hệ giữa các yếu tố này.

Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 55)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS ghi chép tóm lược nội dung kiến thức

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến

thức. Bằng các thủ pháp trào phúng, tác giả dân gian biến các kiểu nhân vật này thành những bức chân dung hài hước, lạ đời, tạo nên tiếng cười vừa mang ý nghĩa xã hội vừa có giá trị thẩm mỹ.

Loại thứ hai thường là những nhân vật tích cực, dùng trí thông minh, sự sắc sảo, khôn ngoan để vạch trần, chế giễu, đả kích những hiện tượng và những con người xấu xa của xã hội phong kiến (truyện Trạng Quỳnh, Xiển Bột,...) hoặc dùng khiếu hài hước để thể hiện niềm vui sống, tinh thần lạc quan trước sự trù phú của môi trường thiên nhiên hay những thách thức do chính môi trường sống mang lại (truyện Bác Ba Phi,...).

- **Ngôn ngữ** thường ngắn gọn, súc tích, hài hước, mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn,... Các thủ pháp gây cười khá đa dạng, linh hoạt. Dưới đây là một số thủ pháp thường gặp:

1. Tạo tình huống trào phúng bằng một trong hai cách sau hoặc kết hợp cả hai cách:

a. Tô đậm mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoài giữa thật và giả giữa lời nói hành động.

b. Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật tạo nên những liên tưởng, đối sánh bất

thức → Ghi lên bảng.

ngờ, hải hươc, thú vị

2. Sử dụng các biện pháp tu từ giàu tính trào phúng (lời nói khoa trương, phóng đại chơi chữ,...)

2. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

Nghĩa tường minh là phần thông báo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.

Nghĩa hàm ẩn là phần thông báo không được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn đề cập đến

Ví dụ: Có công mài sắt, có ngày nên kim.

(Tục ngữ)

Câu tục ngữ trên có nghĩa tường minh: Nếu bỏ công sức ra mài một thanh sắt thì có ngày sẽ có được một cây kim. Tuy nhiên, nghĩa hàm ẩn, ý nghĩa thật sự mà câu tục ngữ muốn đề cập đến là: Nếu kiên trì nỗ lực vượt qua khó khăn thử thách thì có ngày sẽ thành công. Để suy ra nghĩa hàm ẩn, chúng ta phải sử dụng tri thức nền của bản thân và chú ý đến các từ ngữ quan trọng trong câu. Chẳng hạn, trong câu tục ngữ này, chúng ta phải chú ý đến

	<p>các từ ngữ "mài sắt", nên kim".</p> <p>Nghĩa hàm ẩn thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và trong đời sống hằng ngày.</p> <p>3. Từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng và giá trị giao tiếp.</p> <p><i>Từ ngữ toàn dân</i> là từ ngữ được toàn dân biết, chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong</p> <p><i>Từ ngữ địa phương</i> là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định.</p> <p>Trong các tác phẩm văn chương, điện ảnh, từ ngữ địa phương được dùng như một phương tiện tu từ với mục đích tô đậm màu sắc địa phương và làm cho nhân vật trở nên chân thật hơn, sinh động hơn.</p> <p>\</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: củng cố và vận dụng những kiến thức về bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn* để giải quyết bài tập.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: *Sau khi học xong bài Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn, em tiếp thu được những tri thức gì? Hãy hệ thống hóa lại kiến thức đó bằng sơ đồ tư duy.*

- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:
 - + Ôn tập lại bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn*.
 - + Soạn bài: *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*

TIẾT...: VĂN BẢN 1.2 VẮT CỔ CHẠY RA NƯỚC - MAY KHÔNG ĐI GIÀY

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.
- ❖ Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chính thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Vắt cổ chày ra nước - May không đi giày

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

3. Phẩm chất:

- Nhân ái, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Vắt cổ chày ra nước - May không đi giày*

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi gợi mở: *Theo em như thế nào là keo kiệt?*

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi: *Theo em như thế nào là keo kiệt?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Vắt cổ chày ra nước – May không đi giày*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: đọc và xác định thể loại của hai văn bản - GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. - HS lắng nghe. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: Truyện cười - Đề tài của hai truyện trên là phê phán, đả kích những người có thói quen sống hà tiện, keo liệt (phê phán những thói xấu trong xã hội). - Nhan đề <i>Vắt cổ chày ra nước và May không đi giày</i> đã thể hiện được nội dung của mỗi truyện bởi thông qua nhan đề người đọc đoán được nội dung cũng như biết được đối tượng văn bản hướng đến.

<p>lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- ❖ Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.
- ❖ Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chính thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản Vắt cổ chày ra nước – May không đi giày

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ :Thảo luận nhóm đôi</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:</p> <p>+ <i>Em có nhận xét gì về bối cảnh của hai truyện cười trên?</i></p> <p>+ <i>Các nhân vật trong hai truyện cười trên thuộc loại nhân vật nào của truyện cười?</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p>	<p>1.Bối cảnh của truyện</p> <p>Hai truyện trên tác giả tập trung vào cốt truyện, nhân vật còn bối cảnh không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, bối cảnh không xác định.</p> <p>2. Nhân vật trong truyện</p> <p>Các nhân vật trong hai truyện trên thuộc loại nhân vật mang những thói xấu phổ biến trong xã hội.</p> <p>*Vắt cổ chày ra nước</p>

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi
- HS trình bày sản phẩm.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận
- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng

- Nhân vật ông chủ:

+ Khi người đầy tớ xin tiền để uống nước, tỏ thái độ chê bai “Thằng này ngốc...”

+ Kiểm soát để từ chối cho đầy tớ mượn tiền: “Hai bên đường thiếu gì ruộng ao, có khát thì xuống đây tha hồ uống, tìm vào quán làm gì cho phiền”

=> Keo kiệt, bủn xỉn không muốn cho người khác mượn tiền

- Đồng thời sự kệt xỉ của lão không dừng lại ở đó mà còn có xu hướng tăng lên khiến người đối diện cũng cảm thấy cạn lời.

- Ban đầu thì mách xuống ao hồ mà uống nước, sau đó lại bảo lấy khó tải buộc vào người để mồ hôi ra và thấm vào đó. Khi nào khát nước thì vắt từ khó tải ra để uống.

- Nhưng mức độ cao nhất của sự keo kiệt này lại được thể hiện qua câu nói của anh đầy tớ “Ông cho con mượn cái chày giã gạo cũng được!”. Ai mà chẳng biết cái chày thì làm gì vắt được chứ đừng nói đến việc vắt ra nước. Vì thế, anh đầy tớ nói như vậy không phải là mượn chày để vắt nước uống mà thật ra là mang hàm ý chê cười, mỉa mai cái tính ki bo của ông chủ.

=> Kẻ ki bo hà tiện

- Nhân vật đầy tớ:

+ Hoàn cảnh mượn tiền: ông chủ sai về quê có việc => xin mấy đồng tiền để uống nước dọc đường

	<p>+ Câu nói của anh đầy tớ “Ông cho con mượn cái chày giã cua cũng được!”</p> <p>=> cách để châm biếm, chế giễu một cách lịch sự những kẻ có điều kiện nhưng lại keo kiệt ở mức quá đáng. Điều này khiến cho người đọc vừa bất mãn với sự ki bo của lão chủ nhà vừa bật cười và thán phục vì sự khéo léo của anh đầy tớ.</p> <p>*May không đi giày</p> <p>Nhân vật là người có tính hà tiện:</p> <p>+ Khi vấp hòn đá khiến ngón chân chảy máu nhưng không hề phàn nàn</p> <p>+ Thay vào đó là câu nói “chớ mà đi giày thì rách mất mũi giày”</p> <p>=> Keo kiệt, hà tiện đến mức thà chịu đau đớn chứ không muốn giày bị hư hỏng, phải bỏ tiền mua đôi giày mới</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản “Vắt cổ chày ra nước – May không đi giày”

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: trả lời câu hỏi 5 – trang 81 - sgk

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày suy nghĩ

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 5 (trang 82, SGK Ngữ văn 8, tập 1)

Câu nói: “Dạ, vắt cổ chày cũng ra nước!” của nhân vật “người đầy tớ” trong *truyện Vắt cổ chày ra nước* và câu nói: “... may là vì tôi không đi giày! Chớ mà đi giày thì

rách mất mũi giày rồi còn gì!” của nhân vật “ông hà tiện” trong truyện *May không đi giày* có vai trò như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của truyện?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ trải nghiệm của bản thân

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để Thực hiện yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng năm đến bảy câu) trình bày sự khác nhau giữa keo kiệt và tiết kiệm

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn (khoảng năm đến bảy câu) trình bày sự khác nhau giữa keo kiệt và tiết kiệm

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện viết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung văn bản

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TIẾT...: VĂN BẢN 3.4: KHOE CỦA – CON RẮN VUÔNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.
- ❖ Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chính thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Khoe của – Con rắn vuông
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài

b. Nội dung: Trò chơi “ VUA TIẾNG VIỆT”

e.h/o/i/x/u/â/t

c. Sản phẩm: Các từ khóa HS sắp xếp được

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi “Vua Tiếng Việt” với yêu cầu HS sắp xếp thứ tự các chữ cái tạo thành từ có nghĩa.

a. e/k/k/i/ê/o/t

b.u/t/i/n/ê/g/c/ơ/i

c.i/m/a/m/a/i

d. o/e/h/k/u/a/c

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chơi trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về văn bản **Khoe của – Con rắn vuông**

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	I. Tìm hiểu chung

<p>- GV yêu cầu HS:</p> <p>+ Xác định thể loại của văn bản.</p> <p>+ Nêu đề tài của văn bản</p> <p>- GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	<p>- Thể loại: Truyện cười</p> <p>- Đề tài: Cả hai câu truyện thuộc truyện cười, xoay quanh câu chuyện hai người khoe áo mới và lớn cười và chuyện anh chồng kể về câu chuyện vào rừng gặp con rắn to.</p>
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a.Mục tiêu:

- ❖ Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.
- ❖ Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chính thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1:</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Việc nói rõ thông tin “lợn cưới”, “áo mới” có cần thiết không? Nói như vậy nhằm mục đích gì</i> + <i>Người vợ trêu chồng như thế nào</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng <p>* Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1/ Văn bản khoe của</p> <p>a. Tính khoe của và những của được đem khoe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính khoe của là thói thích tỏ ra, trưng ra cho người ta biết là mình giàu. Đây là thói xấu, thường thấy ở những người có nhiều của, những người giàu có, dư thừa, thích học đòi. Thói xấu này biểu hiện ở cách ăn mặc, trang sức, xây cất, bài trí nhà cửa, cách nói năng, giao tiếp. - Những của được đem ra khoe: <ul style="list-style-type: none"> + Chiếc áo mới + Một con lợn để thịt làm đám cưới. <p>=> Những vật rất bình thường. Từ đó chế giễu tính hay khoe, khoe của.</p> <p>b. Cách khoe của mỗi nhân vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Anh có áo mới: <ul style="list-style-type: none"> + Có chiếc áo mới liền mặc ngay mà không hề đợi đến ngày lễ hoặc tết có dịp nào đó. + Anh ta “ đứng hóng ở cửa, đợi có ai đi qua người ta khen”

<p>- GV đặt câu hỏi:</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận:</p> <p>+ <i>Tìm câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản.</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng</p> <p>GV chốt lại kiến thức</p>	<p>+ Anh kiên nhẫn đứng từ sáng đến chiều.</p> <p>+ Khi anh lợn cưới đến thì giờ vạt áo ra và trả lời.</p> <p>=> Hành động thừa, lố bịch và trả lời thừa một vế.</p> <p>- Anh có lợn cưới:</p> <p>+ Anh đi tìm lợn khoe trong lúc nhà đang có việc lớn (nhà có đám cưới), lợn để làm cỗ cho lễ cưới lại bị sống mất.</p> <p>+ Lẽ ra chỉ cần hỏi người ta “ Bác có thấy con lợn của tôi chạy qua đây không?” Hoặc có thể miêu tả lại con lợn bị sống như thế nào? Nhưng anh có lượn lại thế từ “ cưới” vào thành “ lợn cưới” không phải từ thích hợp để chỉ con lợn bị sống.</p> <p>=> Mục đích của anh ta chỉ để khoe lợn, khoe của.</p> <p>2. Con rắn vuông</p> <p>- Anh chồng nói khoác kể cho vợ nghe câu chuyện vào rừng gặp con rắn to.</p> <p>- Biết chồng có tính nói khoác nên người vợ đã trêu người chồng bằng cách tỏ thái độ ngạc nhiên trước sự miêu tả của chồng và hỏi dồn người chồng liên tục các câu hỏi để người chồng phải tự nói ra sự thật.</p>
---	---

- Những lời nói phi lý của anh chồng được thể hiện rõ, sự không quyết đoán cũng được miêu tả qua những lần thay đổi câu trả lời khi bị người vợ hỏi vặn.

- Khắc họa tính cách thích nói khoác của người chồng. Lời đối đáp thể hiện sự lúng túng và thay đổi câu trả lời liên tục khi bị người vợ bóc trần sự vô lí. Bởi thứ anh ta thấy không phải sự thật, vậy nên mới không chắc chắn và sửa lời ban đầu của mình như vậy.

3. Tiếng cười và thủ pháp gây cười trong các truyện Khoe của và Con rắn vuông

Các nhân vật trong hai chuyện cười trên đều gây cười và tạo nên các tình huống châm biếm bằng cách sử dụng những lời đối đáp. Tuy nhiên, tình huống truyện có sự khác nhau giữa hai văn bản. Trong truyện khoe của, cả hai nhân vật đều có thói khoác lác, hay khoe. Còn trong truyện con rắn vuông, chỉ có nhân vật người chồng mới hay nói khoác. Người vợ biết tính chồng, để tạo nên yếu tố gây cười, tác giả để người vợ trêu chọc lại chồng và để người chồng tự thể hiện ra sự vô lý trong lời nói của mình, tự nhận ra tính cách đáng phê phán của mình.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Khoe của – con rắn vuông
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ
- c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Em rút ra được bài học gì sau khi học xong hai văn bản trên

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ với trải nghiệm của bản thân
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học đóng vai các nhân vật trong truyện, trình diễn trước lớp
- c. Sản phẩm học tập:** Phần trình bày của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Các tổ lựa chọn 1 trong 2 truyện, phân vai diễn lại câu chuyện

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện đóng kịch

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV nhận xét

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

* Hướng dẫn về nhà

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung của văn bản

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

* **Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên

	tham gia hoạt động	động	đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Phiếu học tập

TIẾT...: ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: TIẾNG CƯỜI CÓ LỢI ÍCH GÌ (Theo Ô-ri-sơn Xơ – goét Ma – đơn)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS xác định được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản
- HS hiểu được những lợi ích của tiếng cười và ý nghĩa của tiếng cười

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của tiếng cười trong cuộc sống
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài
- b. Nội dung:** HS chia sẻ hiểu biết của mình về lợi ích của tiếng cười
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của Học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV phát cho HS 1 tờ giấy note, yêu cầu HS ghi lại những từ khóa liên quan đến lợi ích của tiếng cười trong cuộc sống

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV động viên tất cả HS trong lớp đều tham gia và nộp lại phiếu cho GV

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Tiếng cười có lợi ích gì?*
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *“Tiếng cười có lợi ích gì?”*
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả O-ri-son Xơ-goét Ma-đơn - GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. - HS lắng nghe. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p>O-ri-son Xơ – goét Ma – đơn (1848 – 1924) là một tác giả truyền cảm hứng người Mỹ đã viết về việc đạt được thành công trong cuộc sống và thành lập tạp chí SUCCESS vào năm 1897.</p> <p>2. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: nghị luận - Đề tài: Lợi ích của tiếng cười trong cuộc sống
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS xác định được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản
- HS hiểu được những lợi ích của tiếng cười và ý nghĩa của tiếng cười

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Văn bản đề cập đến những lợi ích nào của tiếng cười?</p> <p>+ Em hiểu thế nào về câu ngạn ngữ ở cuối bài? Việc tác giả sử dụng câu ngạn ngữ này làm câu kết có ý nghĩa gì?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng</p> <p>* Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV đặt câu hỏi:</p> <p>- GV yêu cầu HS suy nghĩ và bày tỏ</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1/ Những lợi ích của tiếng cười</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tiếng cười làm cơ thể thêm khỏe mạnh • Mang lại cho con người niềm vui • Giúp thân thể vận động dễ chịu • Kích thích máu trong cơ thể lưu thông tốt hơn • Cơ thể căng tràn sức sống • Cơ thể được cấu trúc vững chắc và hài hòa hơn <p>2/ Câu ngạn ngữ ở cuối bài</p> <p>- Câu ngạn ngữ ở cuối văn bản: “<i>Nếu bạn hỏi đến số năm sống trên đời thì tôi hai mươi lăm tuổi, nhưng tính bằng niềm vui, thì hẳn tôi phải trăm tuổi rưỡi</i>”.</p> <p>- Câu ngạn ngữ này đang nói đến niềm vui, sự vui vẻ làm con người hạnh phúc, lạc quan, điều này giúp gia tăng tuổi thọ của con người, nếu tính tuổi bằng niềm vui thì còn sống lâu hơn nữa.</p> <p>- Câu ngạn ngữ đặt ở cuối văn bản có ý nghĩa khẳng định lại lợi ích của tiếng cười và truyền tải thông điệp của toàn văn bản rằng hãy sống thật</p>

<p>quan điểm cá nhân:</p> <p>+ <i>Theo em, làm thế nào để lan tỏa nụ cười trong cuộc sống của chúng ta?</i></p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - HS trình bày sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng <p>GV chốt lại kiến thức</p>	<p>vui vẻ cùng những tiếng cười.</p> <p>III/ Tổng kết</p> <p>1/ Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lối lập luận chặt chẽ, logic - Dẫn chứng, lí lẽ xác thực <p>2/ Nội dung</p> <p>Văn bản cho ta thấy ý nghĩa của tiếng cười trong cuộc sống. Nụ cười nhắc nhở mọi người rằng, dù sao thì chúng ta vẫn đang còn sống, và sẽ không có bất cứ chuyện gì khác có thể xem là quan trọng hơn việc ta đang được sống giữa cuộc đời này.</p>
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Tiếng cười có lợi ích gì?

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống những luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ tư duy

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống những luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ với bản thân

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu hỏi: Theo em, làm thế nào để lan tỏa nụ cười trong cuộc sống của chúng ta?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung bài học

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo

Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Phiếu học tập

TIẾT: ...THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Trang 86 - 87

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS xác định được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu
- HS giải thích được nghĩa của một số thành ngữ

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Trò chơi: “Trạm luân chuyển thời gian”

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 4 nhóm tương đương với 4 trạm
- + Trạm 1: Ở trạm 1, HS sẽ được GV phát 1 mật thư trong đó chứa hình vẽ ẩn chứa ý nghĩa của một câu thành ngữ. HS có nhiệm vụ không viết, không đọc câu tục ngữ đó, hãy dùng ngôn ngữ cơ thể để giải thích cho các thành viên ở trạm 2 hiểu
- + Trạm 2: Sau khi được trạm 1 gợi ý. Trạm 2 đưa ra câu thành ngữ tiếp tục dùng ngôn ngữ cơ thể để giải thích cho trạm 3

- + Trạm 3: Đoán thành ngữ và dùng ngôn ngữ cơ thể giải thích cho trạm 4
- + Trạm 4: Đọc đúng câu thành ngữ và giải nghĩa câu
- (các trạm liên tục thay đổi thành viên nhận câu thành ngữ)
- HS suy nghĩ trả lời

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phần trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a.Mục tiêu:

- HS xác định được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu
- HS giải thích được nghĩa của một số thành ngữ

b. Nội dung:

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình	<i>Nghĩa tường minh</i> là phần thông báo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ. <i>Nghĩa hàm ẩn</i> là phần thông báo không được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn

<p>bày vào phiếu học tập</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>đề cập đến</p> <p>Ví dụ: Có công mài sắt, có ngày nên kim. (Tục ngữ)</p> <p>Câu tục ngữ trên có nghĩa tường minh: Nếu bỏ công sức ra mài một thanh sắt thì có ngày sẽ có được một cây kim. Tuy nhiên, nghĩa hàm ẩn, ý nghĩa thật sự mà câu tục ngữ muốn đề cập đến là: Nếu kiên trì nỗ lực vượt qua khó khăn thử thách thì có ngày sẽ thành công. Để suy ra nghĩa hàm ẩn, chúng ta phải sử dụng tri thức nền của bản thân và chú ý đến các từ ngữ quan trọng trong câu. Chẳng hạn, trong câu tục ngữ này. chúng ta phải chú ý đến các từ ngữ "mài sắt", "nên kim".</p> <p>Nghĩa hàm ẩn thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và trong đời sống</p>
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 86-87
- c. **Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 86-87

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn, giải nghĩa một số thành ngữ, tục ngữ được sử dụng trong các câu văn

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học giải nghĩa một số câu thành ngữ, tục ngữ

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Em hãy nêu cách hiểu về một số tục ngữ, thành ngữ:

- Gàn mực thì đen, gàn đèn thì sáng.
- Cháy nhà mới ra mặt chuột.
- Đổ mồ hôi sôi nước mắt

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:
- + Ôn tập, nắm được các kiến thức tiếng việt
- + Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Đáp án bài tập

Câu 1: Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong các trường hợp sau đây:

a, – Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?

Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!

(Truyện cười dân gian Việt Nam, *Khoe của*)

b, – Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?

(Truyện cười dân gian Việt Nam, *Con rắn vuông*)

Trả lời:

a.

– **Nghĩa tường minh:** Bác có thấy con lợn chạy qua đây không, Tôi không thấy con lợn nào cả.

– **Nghĩa hàm ẩn:** Muốn khoe con lợn của mình, tôi có chiếc áo mới.

b.

– **Nghĩa tường minh:** Con rắn to dài vừa tròn hai mươi thước là con rắn vuông à.

– **Nghĩa hàm ẩn:** làm gì có con rắn nào dài hai mươi thước.

Câu 2: Đọc lại truyện Vắt cổ chày ra nước và thực hiện yêu cầu sau:

a, Xác định nghĩa hàm ẩn trong câu nói: ” *Thế thì tao cho mượn cái này*” của người chủ nhà. Nghĩa hàm ẩn này được thể hiện trong câu nói nào sau đó?

b, Người đầy tớ thực sự muốn nói gì qua câu: “ *Hay là ông cho tôi mượn cái chày giã của vậy!*”?

c, Sau khi đọc xong truyện cười này, em hiểu thế nào về thành ngữ *Vắt cổ chày ra nước*? Đặt câu có sử dụng thành ngữ này.

Trả lời:

a, Nghĩa hàm ẩn: Tao không cho mày tiền uống nước đâu, mày tự lo lấy đi. Nghĩa hàm ẩn này được thể hiện trong câu: Vặn vào người khi khát vặn ra mà uống.

b, Người đầy tớ muốn nói ông chủ thật keo kiệt bủn xỉn.

c, Thành ngữ “*Vắt cổ chày ra nước*” để chỉ sự bủn xỉn, hà tiện, keo kiệt đến quá đáng.

– Câu thành ngữ “*Vắt cổ chày ra nước*” thường dùng để ám chỉ kẻ keo kiệt thông thường chứ ít người hiểu chính xác là chỉ mấy tên chủ và loại trọc phú chuyên bóc lột sức lao động của người làm công.

Câu 3: Đọc truyện cười Văn hay trong mục *Đọc mở rộng theo thể loại* và thực hiện các yêu cầu sau:

- a, Câu nói của người vợ: “*Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?*” có nghĩa hàm ẩn gì?
- b, Thấy đề có hiểu đúng câu nói của vợ mình hay không? Dựa vào đâu em biết điều đó?
- c, Theo em, nghĩa hàm ẩn do người nói/ người viết tạo ra và nghĩa hàm ẩn do người nghe/ người đọc suy ra có phải lúc nào cũng trùng nhau không? Vì sao?

Trả lời:

- a, Câu nói có nghĩa là ông viết chữ sấu.
- b, Thấy đề hiểu sai câu nói của vợ mình. Dựa vào việc ông đắc chí.
- c, Theo em, nghĩa hàm ẩn do người nói/ người viết tạo ra và nghĩa hàm ẩn do người nghe/ người đọc suy ra không phải lúc nào cũng trùng nhau không. Vì không phải lúc nào người nghe/ người đọc có thể hiểu được nghĩa hàm ẩn trong các câu nói.

Câu 4: Suu tầm ít nhất một truyện cười có nghĩa hàm ẩn và phân tích nghĩa hàm ẩn có trong (các) truyện cười đó.

Trả lời:

Có người thư sinh nọ quen thói ba hoa khoác lác, từng nói với bạn mình rằng:

"Từ cổ chí kim, thánh nhân chính là những người khó tìm nhất. Năm xưa kể từ lúc Bàn Cổ vương khai thiên lập địa, vạn vật sống trên đời không ai có thể so với ngài. Cho nên ngài được tính là người thứ nhất".

Nói xong câu này, thư sinh giơ lên 1 ngón tay để xác nhận.

"Sau đó là tới Không Tử, người am hiểu thi thư lễ nhạc, được mệnh danh là thầy của vạn nhà, không ai dám bắt kính. Ngài được tính là người thứ hai." - thư sinh lại giơ thêm một ngón tay, tỏ ý đang đếm.

Thư sinh nói tiếp:

"Từ sau hai người này, không còn có ai đủ khiến tôi cảm thấy nể phục...".

Thế nhưng chỉ sau vài giây chần chừ, người này lại hớn hờ quay sang khẳng định với bạn mình:

"Anh thấy tôi nói có đúng không? Bậc thánh nhân trên đời quả nhiên rất ít, tính cả tôi mới có đúng 3 người".

Nghĩa hàm ẩn: Anh kia tự đề cao mình lên quá

Bài học rút ra: Ngạo mạn, cuồng vọng thực chất điều ngốc nghếch và sai lầm nhất của đời người.

Câu 5: Các từ ngữ in đậm dưới đây được sử dụng ở vùng miền nào? Chúng có tác dụng gì trong việc biểu đạt giá trị của tác phẩm?

a, *Qua tôi **nom** thấy con rắn dài đúng hai mươi thước không kém một tấc, một phân nào!*

(Truyện cười dân gian Việt Nam, *Con rắn vuông*)

b, *Khoai sẵn tình quê rất **thiệt thà**!*

(Tố Hữu, *Nhớ đồng*)

c, *Thò tay mà **bứt** cọng ngò*

*Thương em đứt ruột **giả đồ** ngó lơ*

(Ca dao)

Trả lời:

a, nom thường được sử dụng ở miền nam. Có tác dụng làm cho câu văn dí dỏm và thể hiện bối cảnh của câu chuyện

b, thiệt thà thường được sử dụng ở miền nam. Có tác dụng làm cho câu văn dí dỏm và thể hiện bối cảnh của câu chuyện

c, giả đồ thường được sử dụng ở miền nam. Có tác dụng làm cho câu văn dí dỏm và thể hiện bối cảnh của câu chuyện

Câu 6: Viết một đoạn hội thoại (không đến ba đến bốn câu) trong đó có ít nhất một câu có nghĩa hàm ẩn và một từ ngữ địa phương nơi em sống.

Trả lời:

Thủ trưởng hỏi người cán bộ tổ chức:

- Đạo này anh thấy anh Nam thế nào?
- Anh ấy hay đi chơi khuya với một người đã có chồng ạ.
- Tệ quá nhỉ ... thế anh có biết người đàn bà đó là ai không?
- Có ạ. Đó là vợ anh ta.

Hàm ý ở đoạn hội trên nằm ở một người đàn bà đã có chồng, không cần một tri thức nền nào, người nghe cũng có thể hiểu được người đàn bà đó chắc chắn là không phải vợ anh Nam, chính điều này mới tạo ra hàm ý.

TIẾT...: ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: VĂN HAY

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Tìm hiểu đề tài, cốt truyện, bối cảnh, ngôn ngữ
- HS chỉ ra và phân tích được những chi tiết gây cười trong văn bản
- HS chỉ ra và phân tích những câu có nghĩa hàm ẩn hoặc sử dụng biện pháp tu từ nói quá, nói lái, chơi chữ ...

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung văn bản

b. Nội dung: Câu hỏi gợi mở

c. Sản phẩm: Phần trình bày của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi: *Em đã được học những tác phẩm nào thuộc thể loại truyện cười? Ngoài các tác phẩm ấy, em còn đọc được tác phẩm nào thuộc thể loại này không?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin về văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Xác định thể loại của văn bản.	I. Tìm hiểu chung - Thể loại: Truyện cười

<p>+ Xác định đề tài của văn bản</p> <p>- GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	<p>- Đề tài: Truyện cười trên thuộc đề tài châm biếm.</p>
--	---

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Tìm hiểu đề tài, cốt truyện, bối cảnh, ngôn ngữ
- HS chỉ ra và phân tích được những chi tiết gây cười trong văn bản
- HS chỉ ra và phân tích những câu có nghĩa hàm ẩn hoặc sử dụng biện pháp tu từ nói quá, nói lái, chơi chữ ...

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Xác định bối cảnh, cốt truyện</i> + <i>Nhân vật người vợ được khắc họa qua những chi tiết nào? Em có nhận xét gì về nhân vật này?</i> + <i>Tác giả dân gian đã tạo ra tiếng cười cho truyện trên bằng cách nào?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - HS trình bày sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng <p>GV chốt lại kiến thức.</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1/ Cốt truyện, bối cảnh, ngôn ngữ truyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cốt truyện xoay quanh tình huống một ông chồng cứ tưởng mình viết đẹp nhưng mà sự thực thì không phải vậy. - Bối cảnh gần gũi là hình ảnh hai vợ chồng trao đổi, giao tiếp hàng ngày. <p>2. Nhân vật người vợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật người vợ được khắc họa qua những chi tiết: “Bà vợ đến bên cạnh bảo: Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không.; Bà vợ thông thả nói: Ông chả biết tính toán gì cả....” - Nhân vật này biết cách nói ẩn ý để châm chọc ông chồng của mình nhưng không khiến ông chồng cảm thấy bị xúc phạm. <p>=> Tác giả dân gian đã tạo tiếng cười cho truyện bằng cách dùng lời nói của người vợ để châm biếm nhưng người chồng vẫn không hiểu.</p> <p>III/ TỔNG KẾT</p> <p>1/ Nội dung</p> <p>Câu chuyện kể về tình huống châm biếm của người vợ đối với người chồng mang lại tiếng cười trào phúng</p>

	<p>cho người đọc.</p> <p>2/ Nghệ thuật</p> <p>- Lối viết châm biếm, ngôn ngữ sinh động</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học đóng vai diễn lại câu chuyện
- c. Sản phẩm học tập:** Vở kịch của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Các tổ lựa chọn thành viên, đóng vai diễn lại câu chuyện

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản, em hãy đưa ra một số ý kiến của em về sự khác nhau giữa *tự tin* và *tự cao*
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để *bày tỏ ý kiến cá nhân*
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Em hãy đưa ra một số ý kiến của em về sự khác nhau giữa tự tin và tự cao

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp vào buổi học sau, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

* Hướng dẫn về nhà

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các thông tin cơ bản trong văn bản

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

* Phụ lục:

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và

	chế Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TIẾT ...: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nắm được kĩ năng viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập \.
- b. **Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi gợi mở: *Quan sát những hình ảnh sau và cho cô biết “Em đã từng tham gia hoạt động xã hội nào?”*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ, chuẩn bị để chia sẻ trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá kết quả
- GV dẫn vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số điểm cần lưu ý khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội

- a. **Mục tiêu:** Nắm được một số điểm cần lưu ý về kiểu văn bản
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về một số điểm cần lưu ý khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội
- c. **Sản phẩm học tập:** HS nắm được một số điểm cần lưu ý khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc thông tin về kiểu văn bản trong SGK	1/ Kiểu bài Bài văn kể lại một hoạt động xã hội thuộc kiểu văn bản tự sự. Trong bài văn đó, người viết kể lại các

<p>trang 88</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc và theo dõi</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS ghi chép kiến thức quan trọng về kiểu bài</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	<p>sự kiện của hoạt động xã hội mà mình đã tham gia, có kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố này để tăng sự sinh động cho bài viết.</p> <p>2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kể lại một hoạt động xã hội theo ngôi thứ nhất. • Nêu được các thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sẽ kể miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra hoạt động. • Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lí • Kết hợp với yếu tố miêu tả hay biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố để bài văn thêm sinh động, hấp dẫn. • Bố cục bài viết cần đảm bảo <p>Mở bài: giới thiệu một hoạt động xã hội đã đề lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc</p> <p>Thân bài: Nêu những thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sẽ kể miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra hoạt động; kể lại các sự việc theo trình tự hoạt động xã hội; kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm</p> <p>Kết bài: Khẳng định giá trị của hoạt động xã hội đã kể; nêu suy nghĩ, tình cảm sâu sắc mà hoạt động gợi ra cho bản thân</p>
--	--

Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được các viết bài văn.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành viết bài

c. Sản phẩm học tập: HS nắm được quy trình viết

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1:</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV hướng dẫn HS tìm hiểu và phân tích bài <i>Chuyến thăm bệnh nhi tại</i></p>	<p>* Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản:</p> <p>Câu 1: Bài văn viết về hoạt động xã hội nào? Em có nhận xét gì về trình tự</p>

<p><i>bệnh viện ung thư</i></p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm: <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. <p>*Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: <i>Theo em khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội chúng ta cần thực hiện theo mấy bước? Là những bước nào?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm: <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>các sự việc được kể trong bài viết?</p> <p>Bài văn viết về hoạt động tình nguyện xã hội là thăm bệnh nhân nhi ung thư.</p> <p>Các sự việc trong bài viết được kể theo trình tự thời gian.</p> <p>Câu 2: Chỉ ra đoạn văn giới thiệu thông tin cơ bản về hoạt động xã hội được kể.</p> <p>Đoạn văn thứ hai giới thiệu thông tin cơ bản về hoạt động được kể.</p> <p>Câu 3: Xác định ngôi kể của bài viết? Vì sao người viết chọn ngôi kể ấy?</p> <p>Bài viết được viết theo ngôi thứ nhất. Người viết chọn ngôi kể ấy vì đây là bài văn kể lại một hoạt động xã hội, người viết phải chọn ngôi kể thứ nhất để đảm bảo tính chính xác và chân thực của văn bản.</p> <p>Câu 4: Các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp em hình dung điều gì về hoạt động xã hội được kể trong bài viết?</p> <p>Các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp em hình dung chân thực các sự việc mà người kể đã thực hiện về hoạt động xã hội được kể trong bài viết.</p> <p>3. Hướng dẫn quy trình viết</p> <p><i>Đề bài: Hãy viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội để lại cho em suy nghĩ, tình cảm sâu sắc. Bài viết có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc cả hai yếu tố trên.</i></p> <p>Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết</p> <p>Để việc viết hiệu quả, em cần xác</p>
---	--

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

định:

– Mục đích viết bài này là gì (để chia sẻ suy nghĩ của mình với bạn bè trong lớp, trong trường/ tham gia một cuộc thi viết/ ghi nhật kí cho chính mình,...)?

– Người đọc bài này có thể là ai? Họ muốn thu nhận được điều gì từ bài viết của em?

– Với mục đích và người đọc đó, em sẽ chọn nội dung và cách viết như thế nào?

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Có thể thực hiện theo phiếu sau:

PHIẾU TÌM Ý: KẾ LẠI MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI ĐỂ LẠI CHO BẢN THÂN SUY NGHĨ, TÌNH CẢM SÂU SẮC			
Hoạt động xã hội em muốn kể:			
Sự việc	Không gian và thời gian diễn ra hoạt động	Quang cảnh và con người	Suy nghĩ, cảm nhận của em
Sự việc 1: ...	...	...	...
Sự việc 2: ...	...	...	...
Sự việc ...	...	...	...

Em chọn những ý tiêu biểu, nổi bật và sắp xếp theo một trình tự hợp lý :

Mở bài: giới thiệu hoạt động xã hội định kể

Thân bài:

1.Nêu những thông tin khái quát về hoạt động xã hội: đơn vị tổ chức, thời gian, địa điểm, mục đích hoạt động,...

2.Kể lại trình tự hoạt động:

- Sự việc 1

- Sự việc 2

- Sự việc 3

	<p>=> Kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm</p> <p>Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý nghĩa hoạt động - Nêu suy, tình cảm sâu sắc của bản thân về hoạt động đã tham gia <p>Bước 3: Viết bài</p> <p>Triển khai bài viết dựa vào dàn ý. Khi viết, em cần đảm bảo các yêu cầu đối với kiểu bài</p> <p><i>Bước 4: Xem và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm</i></p> <p>Sau khi viết xong em đọc lại bài viết và ghi nhận những tiêu chí đã đạt, đề xuất cách chỉnh sửa những tiêu chí chưa đạt dựa vào bảng kiểm sau</p> <p>(xem phụ lục)</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức đã học về kỹ năng viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội

b. Nội dung: HS thực hành viết bài

c. Sản phẩm học tập: Bài văn của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài làm

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài viết và chuẩn bị nộp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV xem và nhận xét bảng kiểm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

* Hướng dẫn về nhà

- GV dặn dò HS:
- + Ôn tập, nắm được các bước viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội
- + Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu được hoạt động xã hội sẽ kể		
Thân bài	Hoạt động được kể lại theo ngôi thứ nhất		
	Nêu được những thông tin cơ bản về hoạt động		
	Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lý		
	Sử dụng hợp lý yếu tố miêu tả hoặc biểu cảm hoặc kết hợp cả hai yếu tố này		
Kết bài	Khẳng định ý nghĩa của hoạt động		
	Nêu được suy nghĩ, cảm nhận sâu sắc mà hoạt động gợi ra cho bản thân		

Diễn đạt	Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, dùng từ		
----------	--	--	--

TIẾT ...: NÓI VÀ NGHE. TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS tóm tắt được nội dung và đưa được ý kiến về một vấn đề của đời sống

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực tóm tắt ý chính do người khác trình bày

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Video nói về tư duy phản biện.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đưa ra các từ khóa: môi trường, ô nhiễm, bạo lực, học đường, trẻ em, bình đẳng giới, tình nguyện,...yêu cầu HS ghi lại 3 từ khóa em ấn tượng vào giấy note sau đó nộp lại cho GV

- GV lựa chọn 3 từ khóa được ghi nhiều nhất đặt câu hỏi: *Theo em các từ khóa này nói về vấn đề nào trong đời sống của chúng ta ngày nay?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 3 – 4 HS nêu ý kiến

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.

- GV dẫn vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị trước khi nghe

a. Mục tiêu: Xác định được các thao tác cần thực hiện khi nghe

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định nội dung nghe. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nghe và trình bày. - HS thực hiện nhiệm vụ	Bước 1: Chuẩn bị • Một nhóm nhỏ thảo luận nên gồm sáu thành viên. Nhóm trưởng chịu trách nhiệm phân công công việc theo dõi tiến

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

- Các nhóm luyện nói

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

độ, chuẩn bị và dẫn dắt buổi thảo luận. Thư kí ghi chép ý kiến của các thành viên trong buổi thảo luận

• Để thống nhất mục tiêu, thời gian buổi thảo luận, cả nhóm cần trả lời câu hỏi Mục đích của buổi thảo luận này là gì? Thời gian thảo luận dự kiến bao lâu? Nhóm sẽ đánh bao nhiêu thời gian cho mỗi ý kiến khi thảo luận?

• Để việc thảo luận được hiệu quả, mỗi thành viên cần tự trả lời các câu hỏi. Trong buổi thảo luận nhóm, người nghe của em là ai? Với đối tượng người nghe đó, em sẽ chọn cách nói sao để thuyết phục

• Nhóm trưởng thông báo cho thành viên vấn đề cần thảo luận. Mỗi thành viên về nhà tìm hiểu tư liệu, đưa ra ý kiến, lí lẽ, bằng chứng về vấn đề, dự kiến các ý kiến trái chiều và cách thức phản hồi dựa vào những gợi ý sau

– Ý kiến của em về ý nghĩa của hoạt động xã hội với cộng đồng và bản thân, lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến

– Những ý kiến trái chiều và phản hồi của em (dự kiến)

Bước 2: Thảo luận

- Nhóm trưởng dẫn dắt để các thành viên trình bày, Thư kí ghi chép, tổng hợp các ý kiến. Cần đảm bảo mỗi thành viên đều trình bày dựa trên phần chuẩn bị ở nhà.

- Sau khi ghi nhận ý kiến của thành viên, cả nh ần tập trung phản hồi các ý kiến trọng tâm, các ý kiến trái chiều được nhiều viên quan tâm. Các thành viên tranh luận, trả lời các câu hỏi cũng như bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người khác.

* Từ các ý kiến của từng thành viên, cả nhóm thể - nhất những ý kiến tiêu biểu, lựa chọn những lí lẽ bằng chứng xác đáng, thuyết phục. Kết quả thảo luận nhóm có thể được trình bày dưới dạng đoạn văn, sơ đồ tư duy, in-pho-gráp-phích (infographic)

- Sau buổi thảo luận, em hãy rút ra hai bài học kinh nghiệm cho bản thân dựa vào

1. Những điều em và nhóm đã làm

	tốt, chưa tốt
	2. Gửi pháp khắc phục những điều chưa tốt

Hoạt động 2: Xác định các tiêu chí đánh giá kỹ năng trình bày

- a. Mục tiêu:** Xác định các tiêu chí đánh giá kỹ năng trình bày
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm mà GV đã chia để thống nhất các tiêu chí đánh giá kỹ năng trình bày</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm để xác định các tiêu chí đánh giá kỹ năng trình bày ý kiến về một vấn đề của cuộc sống</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả hoạt động của nhóm mình, yêu cầu các nhóm khác nghe, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt tiêu chí.</p>	<p>II. Các tiêu chí đánh giá</p> <p>Xem ở bảng kiểm</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học về kĩ năng trình bày một vấn đề của đời sống
- b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS liên quan đến bài học
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Hoàn thành bài nói và nghe

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- Thực hiện hoàn thành bài nói và nghe

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS đánh giá, nhận xét bài trình bày của nhóm bạn

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:
- + Soạn trước bài *Ôn tập*.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc		
Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút		
Nêu rõ vấn đề trình bày		
Trình bày trực tiếp, rõ ràng ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề được trình bày		
Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục		
Kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ		
Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thỏa đáng những câu hỏi hoặc phản bác của người nghe		
Trình bày tự tin, nói năng lưu loát		
Đảm bảo thời gian quy định		

TIẾT ...: ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Kiến thức về truyện cười, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung **Bài 4: Sắc thái của tiếng cười**
- b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng” hệ thống lại kiến thức trong chủ đề 4 bằng các câu hỏi

Câu 1: Truyện “Vắt cổ chày ra nước và May không đi giày thuộc thể loại nào? (Đáp án: truyện cười)

Câu 2: Trong truyện Khoe của, tác giả đã phê phán thói xấu nào trong xã hội? (Khoe khoang)

Câu 3: Nghĩa của câu thành ngữ “Ếch ngồi đáy giếng” là gì? (Chỉ những người hiểu biết nông cạn, không ra ngoài học hỏi, chỉ biết dừng chân ở một chỗ)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS tham gia chơi trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá
- GV dẫn vào bài Ôn tập

B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP

- a. Mục tiêu:** Ghi nhớ và vận dụng những kiến thức đã học trong **bài 4**
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm Hoàn thành các câu hỏi ôn tập - HS nhận nhiệm vụ.</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm trình bày; Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slide hoặc sapo)</p> <p>B4: Kết luận, nhận định (GV): - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm),</p>	Xem ở mục lục

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức về **Bài 4: Sắc thái của tiếng cười**

b. Nội dung: GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

c. Sản phẩm học tập: Những kiến thức HS đã học được trong **Bài 4** và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở **Bài 4**

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở **Bài 4**

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt nội dung bài học

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại nội dung **Bài 4: Sắc thái của tiếng cười**

+ **Soạn bài 5: Những tình huống khôi hài**

Đáp án bài tập

Câu 1: Đọc lại các truyện cười đã đọc và điền vào bảng sau:

Truyện	Đề tài	Bối cảnh	Nhân vật chính	Thủ pháp gây cười
<i>Vắt cổ chày ra nước</i>				
<i>May không đi giày</i>				
<i>Khoe của</i>				
<i>Con rắn vuông</i>				

Trả lời

Truyện	Đề tài	Bối cảnh	Nhân vật chính	Thủ pháp gây cười
<i>Vắt cổ chày ra nước</i>	châm biếm thói keo kiệt	Người phú ông muốn đầy tớ đi làm việc cho mình ở nơi xa nhưng lại không cho anh ta tiền uống nước	Phú ông	Sử dụng hàm ẩn trong câu nói của nhân vật
<i>May không đi giày</i>	châm biếm thói keo kiệt	Người đàn ông đi chân đất nhưng lại không thấy đau mà lại tiếc giày	Người bị chảy máu chân	Suy nghĩ keo kiệt của nhân vật
<i>Khoe của</i>	Châm biếm thói khoe khoang	Một người mất lợn đi tìm lợn hỏi phải người khoe khoang	Hai người đối đáp	Sử dụng câu nói không đúng mục đích hỏi
<i>Con rắn vuông</i>	Châm biếm thói khoác lác	Người chồng khoe với người vợ về con rắn mình nhìn thấy	Người chồng	Người vợ khiến người chồng tự bộc lộ sự vô lý của mình

Câu 2: Ở các truyện cười trên, tiếng cười mang sắc thái nào?

Trả lời:

Tiếng cười mang sắc thái dí dỏm, bật lên từ lối nói dóc có nghệ thuật

Câu 3: Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong câu tục ngữ sau:

Đời người có một gang tay

Ai hay ngủ ngáy còn lại nửa gang

Nghĩa tường minh: Cuộc đời một con người thật ngắn ngủi (chỉ bằng một gang tay)

Nghĩa hàm ẩn: những ai hay ngủ ngáy chỉ còn một nửa, mất đi một nửa thời gian quý giá của sự tồn tại trên đời.

=> Câu tục ngữ có ý phê phán những người hay ngủ ngáy, lãng phí thời gian có ích để sống và làm việc. Hãy quý trọng thời gian để cuộc sống có ích, để làm được nhiều việc hơn.

Câu 4: Tìm ít nhất một câu tục ngữ hoặc ca dao trong đó có từ ngữ địa phương nơi em sinh sống.

Chồng chèo thì vợ cũng chèo

Hai đứa cùng nghèo lại đụng với nhau.

Câu 5: Nêu hai bài học kinh nghiệm về cách viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.

Cần tìm ý trước khi viết bài

Nên chú ý đến các yếu tố thực tế như quang cảnh, con người.

Câu 6: Khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống, ta cần chú ý điều gì về cách phản hồi ý kiến của người khác?

Khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống, ta cần chú ý lắng nghe và tôn trọng, học hỏi về cách phản hồi ý kiến của người khác để từ đó có thể rút ra kinh nghiệm, tìm ra những điểm hạn chế của bản thân.

Câu 7: Theo em, thế nào là một tiếng cười có ý nghĩa? Tiếng cười có giá trị như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?

Tiếng cười có ý nghĩa là tiếng cười có thể giúp bản thân và những người xung quanh cảm thấy thoải mái, vui vẻ, lạc quan, yêu đời.

Tiếng cười:

- giúp chúng ta suy nghĩ lạc quan
- giúp chúng ta có niềm tin trong cuộc sống
- nín con người lại gần nhau hơn

- nín lại tuổi thanh xuân cho chúng ta